

PHỤ LỤC 01

(Kèm theo Thông báo số 04/TB-HĐ ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng thi sát hạch cấp CCHN môi giới BĐS)

**DANH SÁCH TỔNG HỢP ĐIỂM THI CỦA KỲ THI SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG (ĐỢT 1 NĂM 2025) - LẦN 1**

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch	Phần kiến thức cơ sở	Phần kiến thức chuyên môn	Kết quả
1	Phạm Thị An	06/09/95	Tỉnh Thanh Hoá	038195032862	18/4/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	77,5	87,5	ĐẠT
2	Nguyễn Thị Lan Anh	18/5/1997	Thành phố Hải Phòng	030197004019	25/4/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	78,75	93,75	ĐẠT
3	Nguyễn Trang Anh	16/1/2004	Thành phố Hải Phòng	031304007833	17/9/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	73,75	88,75	ĐẠT
4	Phạm Đức Anh	24/12/1980	Thành phố Hải Phòng	031080005068	18/9/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	78,75	88,75	ĐẠT
5	Nguyễn Văn Anh	10/6/1962	Tỉnh Hưng Yên	033062003647	28/6/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	82,5	88,75	ĐẠT
6	Dương Ngọc Anh	3/7/1977	Tỉnh Thanh Hoá	038077003252	25/4/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	80	82,5	ĐẠT
7	Bùi Thị Mai Anh	11/03/1987	Thành phố Hải Phòng	031187019175	13/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	75	91,25	ĐẠT
8	Mạc Hải Anh	28/03/1990	Thành phố Hải Phòng	031090022135	10/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	80	88,75	ĐẠT
9	Ngô Nguyễn Tuấn Anh	15/02/1997	Thành phố Hải Phòng	031097006362	22/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	82,5	92,5	ĐẠT
10	Nguyễn Đắc Tiến Anh	05/12/2000	Tỉnh Hưng Yên	034200011049	13/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	76,25	86,25	ĐẠT
11	Nguyễn Tuấn Anh	01/12/1992	Thành phố Hải Phòng	031092002143	27/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	86,25	93,75	ĐẠT
12	Nguyễn Thị Ngọc Anh	12/11/1993	Thành phố Hải Phòng	030193012374	25/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	76,25	88,75	ĐẠT
13	Nguyễn Gia Bách	25/12/1993	Thành phố Hải Phòng	030093012023	30/6/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	71,25	88,75	ĐẠT

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch	Phần kiến thức cơ sở	Phần kiến thức chuyên môn	Kết quả
14	Nguyễn Văn Bang	19/9/1977	Thành phố Hải Phòng	030077028321	1/3/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	76,25	88,75	ĐẠT
15	Nguyễn Văn Biễn	07/10/1987	Thành phố Hải Phòng	030087004220	16/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	81,25	91,25	ĐẠT
16	Vũ Thị Bính	15/09/1989	Thành phố Hải Phòng	031189001371	23/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	75	87,5	ĐẠT
17	Lê Thanh Bình	9/5/1982	Thành phố Hải Phòng	031082003154	9/5/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	81,25	92,5	ĐẠT
18	Đoàn Phú Bình	03/08/1994	Thành phố Hải Phòng	031094016059	09/01/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	77,5	88,75	ĐẠT
19	Vũ Thị Thanh Bình	05/08/1991	Thành phố Hải Phòng	031191023366	01/11/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	77,5	91,25	ĐẠT
20	Nguyễn Văn Ca	21/04/1984	Thành phố Hải Phòng	031084022769	05/03/2024	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	75	87,5	ĐẠT
21	Nguyễn Thị Minh Châu	06/06/83	Thành phố Hải Phòng	030183005159	08/10/21	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	78,75	88,75	ĐẠT
22	Nhữ Văn Chiến	20/11/1982	Thành phố Hải Phòng	030082018363	5/8/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	78,75	91,25	ĐẠT
23	Nguyễn Đăng Chiến	21/9/1965	Thành phố Hà Nội	001065004241	25/4/2025	Bộ Công an	Việt Nam	73,75	77,5	ĐẠT
24	Đỗ Quang Chiến	22/03/1991	Thành phố Hải Phòng	031091007343	18/07/2025	Bộ Công An	Việt Nam	85	92,5	ĐẠT
25	Trần Ngọc Chiến	03/03/1981	Thành phố Hải Phòng	030081003126	03/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	72,5	87,5	ĐẠT
26	Hoàng Đình Chính	10/06/1989	Tỉnh Hưng Yên	033089005649	24/04/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	80	93,75	ĐẠT
27	Lê Thị Chính	24/11/1993	Thành phố Hải Phòng	031193011808	18/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	70	86,25	ĐẠT
28	Vũ Đình Chính	02/08/1991	Tỉnh Ninh Bình	037091014584	23/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	82,5	91,25	ĐẠT
29	Ngô Quang Chính	05/09/1979	Thành phố Hải Phòng	031079006522	03/07/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	77,5	86,25	ĐẠT

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch	Phần kiến thức cơ sở	Phần kiến thức chuyên môn	Kết quả
30	Nguyễn Trung Chính	08/04/1999	Thành phố Hải Phòng	036099001117	04/06/2024	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	82,5	98,75	ĐẠT
31	Lê Văn Chính	07/07/1990	Thành phố Hải Phòng	030090004942	05/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	75	92,5	ĐẠT
32	Đỗ Thị Chinh	26/1/1979	Tỉnh Sơn La	014179000010	29/4/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	75	83,75	ĐẠT
33	Đồng Văn Chỉnh	02/06/1984	Thành phố Hải Phòng	030084003770	05/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	77,5	96,25	ĐẠT
34	Bùi Văn Chung	14/01/1983	Thành phố Hải Phòng	031083010367	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	86,25	100	ĐẠT
35	Lưu Văn Công	22/08/1999	Thành phố Hải Phòng	031099002758	12/05/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	75	92,5	ĐẠT
36	Hà Đình Công	01/12/2002	Thành phố Hải Phòng	030202009849	06/07/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	82,5	93,75	ĐẠT
37	Nguyễn Đình Cường	26/1/1982	Thành phố Hải Phòng	030082018257	15/9/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	78,75	90	ĐẠT
38	Nguyễn Hữu Cường	16/02/1982	Tỉnh Ninh Bình	035082001936	08/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	83,75	92,5	ĐẠT
39	Lưu Viết Cường	26/12/1981	Tỉnh Quảng Ninh	022081010040	31/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	70	77,5	ĐẠT
40	Nguyễn Mạnh Cường	13/2/1997	Tỉnh Lào Cai	010097008053	14/1/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	76,25	87,5	ĐẠT
41	Nguyễn Mạnh Cường	5/4/1987	Thành phố Hà Nội	036087004887	20/10/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	80	90	ĐẠT
42	Đoàn Mạnh Cường	03/10/1993	Thành phố Hải Phòng	031093007957	29/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	78,75	91,25	ĐẠT
43	Đỗ Cao Cường	03/09/1986	Thành phố Hải Phòng	031086001104	23/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	70	92,5	ĐẠT
44	Nguyễn Mạnh Cường	23/06/1998	Thành phố Hải Phòng	031098010588	18/07/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	77,5	90	ĐẠT
45	Đoàn Văn Cường	20/08/1988	Thành phố Hải Phòng	031088006020	15/06/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	68,75	86,25	KHÔNG ĐẠT

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch	Phần kiến thức cơ sở	Phần kiến thức chuyên môn	Kết quả
46	Đỗ Văn Cường	01/08/1996	Thành phố Hải Phòng	031096000577	10/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	52,5	91,25	KHÔNG ĐẠT
47	Nguyễn Văn Cường	04/11/1988	Thành phố Hải Phòng	031088006866	18/10/2024	Bộ Công An	Việt Nam	67,5	88,75	KHÔNG ĐẠT
48	Vương Xuân Cường	26/12/1993	Thành phố Hải Phòng	031093000544	05/10/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	78,75	90	ĐẠT
49	Đoàn Tiến Đại	25/7/1990	Thành phố Hải Phòng	031090020410	9/1/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	61,25	82,5	KHÔNG ĐẠT
50	Đoàn Văn Đại	30/3/1996	Thành phố Hải Phòng	031096004375	26/9/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	73,75	95	ĐẠT
51	Nguyễn Văn Đại	01/12/1985	Thành phố Hải Phòng	031085004698	27/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	70	90	ĐẠT
52	Trần Văn Đại	30/12/1991	Thành phố Hải Phòng	031091001004	08/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	85	95	ĐẠT
53	Hoàng Văn Đại	04/04/1982	Thành phố Hải Phòng	031082001216	26/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	68,75	90	KHÔNG ĐẠT
54	La Văn Đăng	18/07/1982	Thành phố Hà Nội	001082031675	07/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	92,5	92,5	ĐẠT
55	Hoàng Tiến Đạt	24/11/2004	Thành phố Hải Phòng	030204003053	4/3/2024	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	58,75	86,25	KHÔNG ĐẠT
56	Nguyễn Danh Đạt	25/3/1991	Thành phố Hải Phòng	031091011001	31/8/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	75	93,75	ĐẠT
57	Nguyễn Thanh Đạt	16/8/1976	Thành phố Hải Phòng	030076001472	25/4/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam			BỎ THI
58	Nguyễn Đức Quảng Đạt	11/11/2000	Thành phố Hải Phòng	031200009168	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	76,25	91,25	ĐẠT
59	Phạm Xuân Đạt	21/05/1982	Tỉnh Thái Nguyên	033082014149	13/02/2025	Bộ Công An	Việt Nam	61,25	82,5	KHÔNG ĐẠT
60	Mạch Tiến Đạt	09/11/1994	Tỉnh Hưng Yên	034094001732	08/12/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	77,5	93,75	ĐẠT
61	Mai Văn Dâu	07/02/1993	Tỉnh Thanh Hoá	038093003480	27/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	71,25	88,75	ĐẠT

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch	Phần kiến thức cơ sở	Phần kiến thức chuyên môn	Kết quả
62	Nguyễn Ngọc Diễm	20/02/2003	Thành phố Hải Phòng	030303009506	28/06/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	76,25	95	ĐẠT
63	Phan Đức Diện	20/11/1989	Thành phố Hải Phòng	034089015829	12/10/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	65	87,5	KHÔNG ĐẠT
64	Hoàng Văn Diễm	26/08/1988	Thành phố Hải Phòng	031088010836	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	71,25	95	ĐẠT
65	Nguyễn Ngọc Điệp	6/1/1984	Tỉnh Phú Thọ	025084010255	24/5/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam			BỎ THI
66	Nguyễn Văn Điệp	01/09/1979	Thành phố Hải Phòng	031079005502	08/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	72,5	88,75	ĐẠT
67	Vũ Văn Dinh	30/9/1982	Thành phố Hải Phòng	030082009512	14/8/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	88,75	95	ĐẠT
68	Nguyễn Văn Dĩnh	27/08/1994	Tỉnh Hưng Yên	034094003563	24/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	81,25	95	ĐẠT
69	Nguyễn Ngọc Độ	31/03/1989	Thành phố Hải Phòng	031089005763	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	67,5	93,75	KHÔNG ĐẠT
70	Phạm Trường Doanh	25/07/1984	Thành phố Hải Phòng	031084003409	14/07/2024	Bộ Công An	Việt Nam	80	91,25	ĐẠT
71	Nguyễn Văn Đôn	30/10/1990	Thành phố Hải Phòng	031090010358	16/10/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	67,5	92,5	KHÔNG ĐẠT
72	Nguyễn Chung Đức	16/6/1993	Thành phố Hải Phòng	031093000947	17/5/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	78,75	91,25	ĐẠT
73	Phạm Anh Đức	15/07/1995	Thành phố Hải Phòng	031095007461	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	75	92,5	ĐẠT
74	Đoàn Minh Đức	8/7/1994	Tỉnh Quảng Ninh	022094000619	18/5/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	76,25	87,5	ĐẠT
75	Nguyễn Thị Dung	17/09/1989	Thành phố Hải Phòng	031189020358	23/12/2021	Bộ Công An	Việt Nam	70	82,25	ĐẠT
76	Văn Thị Dung	16/10/1982	Thành phố Hải Phòng	031182006508	12/05/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	77,5	90	ĐẠT
77	Vũ Thị Dung	16/06/1989	Thành phố Hải Phòng	031189005595	11/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	76,25	93,75	ĐẠT

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch	Phần kiến thức cơ sở	Phần kiến thức chuyên môn	Kết quả
78	Hoàng Trung Dũng	13/11/1986	Thành phố Hải Phòng	031086020720	28/8/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	81,25	91,25	ĐẠT
79	Vương Tiến Dũng	05/01/86	Tỉnh Nghệ An	040086001002	25/4/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	82,5	90	ĐẠT
80	Hà Ngọc Dũng	29/4/1987	Thành phố Hải Phòng	031087004361	31/8/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	78,75	92,5	ĐẠT
81	Trịnh Ngọc Dũng	12/08/1985	Tỉnh Thanh Hoá	038085003848	10/07/2025	Bộ Công an	Việt Nam	80	86,25	ĐẠT
82	Đoàn Xuân Dũng	30/11/1985	Thành phố Hải Phòng	031085003510	19/02/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	72,5	91,25	ĐẠT
83	Đình Giang Dũng	5/11/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	026201006608	7/4/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	83,75	90	ĐẠT
84	Dương Thành Dũng	19/10/1979	Thành phố Hải Phòng	031079015221	01/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	71,25	91,25	ĐẠT
85	Lâm Quang Dũng	24/02/1991	Thành phố Hải Phòng	031091012953	11/08/2024	Bộ Công An	Việt Nam	77,5	88,75	ĐẠT
86	Lê Tường Dương	29/09/1987	Thành phố Hải Phòng	031087016969	12/05/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	56,25	92,5	KHÔNG ĐẠT
87	Nguyễn Đại Dương	03/07/1991	Thành phố Hải Phòng	031091006963	10/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	75	91,25	ĐẠT
88	Hoàng Khánh Duy	11/08/1998	Thành phố Hải Phòng	031098009937	25/10/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	87,5	93,75	ĐẠT
89	Nguyễn Minh Duy	02/06/1989	Tỉnh Ninh Bình	035089004933	14/03/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	78,75	90	ĐẠT
90	Nguyễn Quang Duy	10/08/1993	Thành phố Hải Phòng	031093001206	18/04/2025	Bộ Công An	Việt Nam	76,25	93,75	ĐẠT
91	Trần Mạnh Duy	09/08/1994	Thành phố Hải Phòng	031094007004	23/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	72,5	91,25	ĐẠT
92	Vũ Ngọc Duy	16/12/1985	Bungari	031085003387	17/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	71,25	90	ĐẠT
93	Lê Sĩ Duyên	01/05/1988	Thành phố Hải Phòng	031088003552	12/02/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	72,5	92,5	ĐẠT

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch	Phần kiến thức cơ sở	Phần kiến thức chuyên môn	Kết quả
94	Phan Thị Duyên	25/06/1995	Thành phố Hải Phòng	034195012622	19/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	75	92,5	ĐẠT
95	Vũ Thị Duyên	27/02/1994	Thành phố Hải Phòng	031194008015	13/07/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	73,75	85	ĐẠT
96	Đỗ Thế Duyệt	15/8/1991	Tỉnh Hưng Yên	034091015968	18/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam			BỎ THI
97	Đỗ Hoàng Giang	17/09/1988	Tỉnh Phú Thọ	025088016534	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	58,75	90	KHÔNG ĐẠT
98	Nguyễn Thị Hương Giang	4/4/2006	Thành phố Hải Phòng	031306001527	10/4/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam			BỎ THI
99	Đàm Thị Hà Giang	3/9/1988	Thành phố Hải Phòng	031188005494	31/8/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	76,25	91,25	ĐẠT
100	Phạm Thu Giang	05/06/1996	Thành phố Hải Phòng	031196011230	02/03/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	77,5	92,5	ĐẠT
101	Vũ Thị Hà	11/4/1991	Tỉnh Phú Thọ	025191006480	3/4/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	73,75	88,75	ĐẠT
102	Phạm Thị Hà	16/9/1965	Tỉnh Hưng Yên	033165016868	25/7/2025	Bộ Công an	Việt Nam	76,25	85	ĐẠT
103	Đặng Thị Hà	21/8/1980	Thành phố Hải Phòng	031180005568	14/11/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	82,5	93,75	ĐẠT
104	Nguyễn Thị Thu Hà	24/4/1995	Thành phố Hải Phòng	031195010906	15/6/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	77,5	93,75	ĐẠT
105	Bùi Thu Hà	31/10/1994	Tỉnh Quảng Ninh	022194013324	29/12/2024	Bộ Công An	Việt Nam	73,75	90	ĐẠT
106	Nguyễn Thị Thu Hà	10/02/1990	Thành phố Hải Phòng	030190004908	28/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	73,75	87,5	ĐẠT
107	Phạm Thị Hà	12/09/1990	Thành phố Hải Phòng	031190004083	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	75	90	ĐẠT
108	Đào Thu Hà	16/11/1987	Thành phố Hải Phòng	031187021352	11/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	77,5	88,75	ĐẠT
109	Nguyễn Đắc Hải	14/10/1987	Thành phố Hà Nội	001087044383	07/01/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	71,25	86,25	ĐẠT

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch	Phần kiến thức cơ sở	Phần kiến thức chuyên môn	Kết quả
110	Nguyễn Thị Hải	27/12/1975	Thành phố Hải Phòng	030175002515	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	72,5	88,75	ĐẠT
111	Nguyễn Văn Hải	20/11/1986	Thành phố Hải Phòng	031086010573	6/4/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	61,25	81,25	KHÔNG ĐẠT
112	Nguyễn Đại Hải	19/07/1996	Thành phố Hải Phòng	031096011964	31/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	83,75	87,5	ĐẠT
113	Vũ Đình Hải	10/09/1984	Thành phố Hải Phòng	031084003271	16/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	71,25	88,75	ĐẠT
114	Nguyễn Minh Hằng	29/3/1994	Thành phố Hải Phòng	031194013334	23/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	85	88,75	ĐẠT
115	Đào Thị Hằng	12/12/1976	Tỉnh Thanh Hoá	038176000290	16/4/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	77,5	86,25	ĐẠT
116	Đàm Minh Hằng	10/12/1989	Tỉnh Quảng Ninh	022189001950	03/10/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	75	87,5	ĐẠT
117	Đặng Thị Thu Hằng	20/10/1989	Thành phố Hải Phòng	031189017649	03/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	81,25	91,25	ĐẠT
118	Nguyễn Thị Thuý Hằng	20/11/1990	HongKong	031190010774	17/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	88,75	90	ĐẠT
119	Phạm Thị Hằng	23/03/1984	Tỉnh Hưng Yên	034184025772	19/03/2024	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	78,75	90	ĐẠT
120	Nguyễn Văn Hạnh	21/2/1985	Thành phố Hải Phòng	031085000605	13/1/2025	Bộ Công an	Việt Nam	77,5	86,25	ĐẠT
121	Cao Thị Hạnh	15/10/1988	Thành phố Hải Phòng	038188001084	01/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	72,5	87,5	ĐẠT
122	Vũ Văn Hậu	27/05/2005	Tỉnh Hưng Yên	034205008961	20/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	76,25	95	ĐẠT
123	Doãn Xuân Hiền	15/03/1988	Tỉnh Hưng Yên	034088006655	19/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	80	91,25	ĐẠT
124	Hồ Thị Hiền	20/10/1989	Tỉnh Thanh Hoá	038189021374	24/4/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	75	81,25	ĐẠT
125	Nguyễn Thanh Hiền	30/04/1996	Thành phố Hải Phòng	031196012876	11/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	70	87,5	ĐẠT

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch	Phần kiến thức cơ sở	Phần kiến thức chuyên môn	Kết quả
126	Trần Thu Hiền	27/10/1981	Thành phố Hải Phòng	031181007310	10/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	68,75	93,75	KHÔNG ĐẠT
127	Trịnh Thị Hiền	6/6/1991	Tỉnh Ninh Bình	036191021974	1/6/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	65	80	KHÔNG ĐẠT
128	Trần Thị Hiền	08/08/1987	Thành phố Hải Phòng	031187002165	23/11/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	71,25	88,75	ĐẠT
129	Hồ Thu Hiền	29/02/1988	Tỉnh Ninh Bình	035188000383	27/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	77,5	80	ĐẠT
130	Hoàng Đình Hiệp	1/4/1980	Thành phố Hải Phòng	031080002339	5/9/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	81,25	88,75	ĐẠT
131	Nguyễn Đình Hiệp	14/01/1980	Thành phố Hải Phòng	031080003716	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	75	86,25	ĐẠT
132	Trần Đại Hiệp	03/03/1989	Thành phố Hải Phòng	031089019208	16/10/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	78,75	93,75	ĐẠT
133	Nghiêm Văn Hiếu	22/02/1992	Tỉnh Hưng Yên	034092005050	14/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	56,25	77,5	KHÔNG ĐẠT
134	Vũ Văn Hiếu	9/9/1995	Thành phố Hải Phòng	031095006502	13/8/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	78,75	91,25	ĐẠT
135	Nguyễn Trung Hiếu	23/8/2000	Thành phố Hà Nội	001200030682	15/9/2025	Bộ Công an	Việt Nam			BỎ THI
136	Bùi Đức Hiếu	13/05/1994	Thành phố Hải Phòng	03194015873	23/11/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	83,75	93,75	ĐẠT
137	Ngô Chí Hiếu	12/11/1999	Thành phố Hải Phòng	031099007590	13/12/2024	Bộ Công An	Việt Nam	65	91,25	KHÔNG ĐẠT
138	Nguyễn Trung Hiếu	21/03/1987	Thành phố Hải Phòng	031087002806	18/02/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	76,25	86,25	ĐẠT
139	Nguyễn Thị Hoa	29/12/1994	Thành phố Hải Phòng	031194004679	28/6/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	70	93,75	ĐẠT
140	Phạm Văn Hoa	2/3/1988	Tỉnh Lào Cai	010088001129	25/4/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	77,5	85	ĐẠT
141	Ngô Thị Hồng Hoa	17/11/1991	Thành phố Hải Phòng	031191007776	01/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	71,25	92,5	ĐẠT

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch	Phần kiến thức cơ sở	Phần kiến thức chuyên môn	Kết quả
142	Vũ Thị Hoa	12/11/1978	Thành phố Hải Phòng	031178001570	11/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	58,75	86,25	KHÔNG ĐẠT
143	Phạm Văn Hoà	19/11/1986	Thành phố Hải Phòng	031086001937	24/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	66,25	78,75	KHÔNG ĐẠT
144	Trần Văn Hóa	04/03/1990	Thành phố Hải Phòng	031090011124	29/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	60	85	KHÔNG ĐẠT
145	Nguyễn Ngọc Hoàn	23/08/1990	Thành phố Hải Phòng	031090008149	10/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	71,25	90	ĐẠT
146	Trần Khải Hoàn	29/11/1996	Thành phố Hải Phòng	031096006936	10/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	72,5	87,5	ĐẠT
147	Cao Huy Hoàng	25/01/1997	Thành phố Hải Phòng	031097015024	13/01/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	75	87,5	ĐẠT
148	Nguyễn Minh Hoàng	6/6/1987	Thành phố Hà Nội	001087001694	8/5/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	87,5	78,75	ĐẠT
149	Phạm Huy Hoàng	07/10/1986	Thành phố Hải Phòng	031086002418	17/01/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	73,75	95	ĐẠT
150	Vũ Thị Hồng	28/7/1992	Thành phố Hải Phòng	030192003846	28/4/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	76,25	95	ĐẠT
151	Nguyễn Văn Hồng	23/06/1980	Thành phố Hải Phòng	030080003335	15/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	70	91,25	ĐẠT
152	Trần Thị Hồng	25/05/1991	Tỉnh Hưng Yên	034191021179	19/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	70	85	ĐẠT
153	Vũ Thị Hồng	11/01/1993	Thành phố Hải Phòng	031193003785	27/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	71,25	90	ĐẠT
154	Bùi Thị Thu Hồng	02/11/1974	Thành phố Hải Phòng	031174005063	08/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	76,25	95	ĐẠT
155	Bùi Đức Huân	19/08/2001	Thành phố Hải Phòng	031201005468	27/03/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	75	96,25	ĐẠT
156	Nguyễn Thanh Kim Huệ	2/12/1997	Thành phố Hà Nội	001197005512	29/9/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam			BỎ THI

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch	Phần kiến thức cơ sở	Phần kiến thức chuyên môn	Kết quả
157	Hoàng Văn Hùng	24/1/1992	Thành phố Hải Phòng	030092011275	07/03/21	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	80	88,75	ĐẠT
158	Đỗ Mạnh Hùng	07/02/1997	Thành phố Hải Phòng	031097016093	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	72,5	96,25	ĐẠT
159	Phạm Văn Hùng	08/11/1988	Thành phố Hải Phòng	031088002184	22/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	70	88,75	ĐẠT
160	Trần Văn Hưng	5/1/1980	Thành phố Hà Nội	001080013613	10/7/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	83,75	95	ĐẠT
161	Vũ Anh Hưng	6/10/1985	Thành phố Hải Phòng	031085003089	6/8/2025	Bộ Công an	Việt Nam	70	90	ĐẠT
162	Tạ Như Hưng	01/12/1995	Thành phố Hải Phòng	031095002553	05/02/2025	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	75	93,75	ĐẠT
163	Phạm Thanh Hương	12/10/1988	Thành phố Hải Phòng	031188009747	20/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	78,75	91,25	ĐẠT
164	Vũ Thị Lan Hương	19/09/1993	Tỉnh Hưng Yên	034193007051	18/12/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	83,75	93,75	ĐẠT
165	Ngô Thị Thu Hương	06/04/1987	Thành phố Hải Phòng	031187005793	10/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	62,5	90	KHÔNG ĐẠT
166	Vũ Thu Hương	06/02/1986	Thành phố Hải Phòng	031186009392	29/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	73,75	88,75	ĐẠT
167	Phạm Thị Thanh Hương	12/10/1978	Thành phố Hải Phòng	031178015538	13/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	78,75	90	ĐẠT
168	Phạm Văn Hương	22/04/1980	Thành phố Hải Phòng	031080008722	17/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	78,75	91,25	ĐẠT
169	Lương Thị Hường	26/1/1979	Thành phố Hải Phòng	031179006891	5/8/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	0	Bỏ thi	BỎ THI
170	Nguyễn Thị Hường	4/9/1995	Tỉnh Lào Cai	010195010244	17/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	78,75	80	ĐẠT
171	Đoàn Thị Hường	17/04/1986	Thành phố Hải Phòng	031186006591	01/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	80	91,25	ĐẠT
172	Nguyễn Thị Hường	20/01/1983	Thành phố Hải Phòng	030183024138	28/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	73,75	92,5	ĐẠT

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch	Phần kiến thức cơ sở	Phần kiến thức chuyên môn	Kết quả
173	Phạm Thị Thu Hường	23/02/1991	Thành phố Hải Phòng	031191021006	16/01/2024	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	78,75	87,5	ĐẠT
174	Trần Thị Hường	10/01/1977	Thành phố Hải Phòng	031177002644	09/01/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	78,75	90	ĐẠT
175	Bùi Gia Hữu	14/09/1993	Thành phố Hải Phòng	031093006429	14/04/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	78,75	90	ĐẠT
176	Bùi Đức Hữu	02/01/1989	Thành phố Hải Phòng	031089005990	08/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	73,75	92,5	ĐẠT
177	Đỗ Quang Huy	09/03/90	Thành phố Hải Phòng	030090005277	03/06/24	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	75	91,25	ĐẠT
178	Lưu Văn Huy	15/8/1990	Thành phố Hải Phòng	031090005662	10/5/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	81,25	91,25	ĐẠT
179	Đỗ Quang Huy	18/8/2002	Tỉnh Phú Thọ	025202009061	13/5/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam			BỎ THI
180	Đoàn Văn Huy	05/08/1991	Thành phố Hải Phòng	031091006098	25/06/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	72,5	90	ĐẠT
181	Đỗ Tiến Huy	18/11/1986	Thành phố Hải Phòng	031086001200	22/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	71,25	90	ĐẠT
182	Nguyễn Ngọc Huy	14/11/1992	Tỉnh Hưng Yên	034092001817	07/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	81,25	92,5	ĐẠT
183	Bùi Thị Thu Huyền	28/06/1984	Thành phố Hải Phòng	030184002774	08/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	76,25	91,25	ĐẠT
184	Hà Thanh Huyền	06/11/2001	Thành phố Hải Phòng	031301002285	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	67,5	95	KHÔNG ĐẠT
185	Nguyễn Thị Thanh Huyền	07/01/1977	Thành phố Hải Phòng	031177007671	07/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	67,5	82,5	KHÔNG ĐẠT
186	Nguyễn Thị Thu Huyền	20/11/1982	Thành phố Hải Phòng	031182002296	20/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	78,75	93,75	ĐẠT
187	Bùi Xuân Khả	28/02/1988	Thành phố Hải Phòng	030088007514	16/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	75	92,5	ĐẠT

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch	Phần kiến thức cơ sở	Phần kiến thức chuyên môn	Kết quả
188	Nguyễn Quốc Khánh	02/09/2000	Thành phố Hải Phòng	031200000771	28/11/2024	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	77,5	92,5	ĐẠT
189	Nguyễn Văn Khiêm	21/03/1984	Thành phố Hải Phòng	031084002341	04/12/2024	Bộ Công An	Việt Nam	67,5	80	KHÔNG ĐẠT
190	Phạm Văn Khoa	10/12/1990	Thành phố Hải Phòng	031090006058	01/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	70	92,5	ĐẠT
191	Nguyễn Thế Kiên	19/12/1997	Thành phố Hải Phòng	031097006035	09/12/22	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	82,5	92,5	ĐẠT
192	Lê Công Kiên	15/10/1977	Tỉnh Nghệ An	040077023025	10/8/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	78,75	93,75	ĐẠT
193	Bùi Đức Kiên	15/07/2004	Thành phố Hải Phòng	031204007634	29/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	81,25	93,75	ĐẠT
194	Bùi Văn Kiên	28/02/1996	Thành phố Hải Phòng	031096000730	04/11/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	76,25	91,25	ĐẠT
195	Tạ Thị Kiều	29/3/1985	Tỉnh Bắc Ninh	024185001466	7/1/2025	Bộ Công an	Việt Nam	86,25	91,25	ĐẠT
196	Tô Tùng Lâm	27/04/1997	Trung Quốc	031097002827	29/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	70	93,75	ĐẠT
197	Vũ Văn Lâm	18/11/1984	Hải Phòng	031084000474	04/12/2024	Bộ Công An	Việt Nam	77,5	92,5	ĐẠT
198	Phạm Thị Lan	06/11/1985	Tỉnh Hưng Yên	034185002044	19/04/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	70	95	ĐẠT
199	Phạm Thị Quỳnh Liên	10/12/1987	Tỉnh Quảng Ninh	022187003099	09/07/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	80	95	ĐẠT
200	Kiều Thị Liên	24/09/1990	Thành phố Hà Nội	001190009769	28/02/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	72,5	95	ĐẠT
201	Trần Thị Liên	10/05/1984	Tỉnh Ninh Bình	037184013421	10/05/2024	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	77,5	92,5	ĐẠT
202	Nguyễn Thị Hồng Liên	09/10/1983	Thành phố Hải Phòng	031183004658	04/10/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	71,25	91,25	ĐẠT
203	Nguyễn Thị Hồng Liên	31/07/1989	Thành phố Hải Phòng	031189001747	18/12/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	76,25	85	ĐẠT

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch	Phần kiến thức cơ sở	Phần kiến thức chuyên môn	Kết quả
204	Vũ Thị Liên	25/06/1992	Thành phố Hải Phòng	031192002686	15/06/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	72,5	91,25	ĐẠT
205	Nguyễn Tuấn Linh	7/1/1987	Thành phố Hải Phòng	030087007417	14/4/2025	Bộ Công an	Việt Nam	82,5	87,5	ĐẠT
206	Phan Hoàng Phương Linh	24/2/1993	Thành phố Hải Phòng	031193002312	5/7/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	72,5	91,25	ĐẠT
207	Đinh Thị Linh	14/01/1994	Thành phố Hải Phòng	031194010489	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	72,5	83,75	ĐẠT
208	Đỗ Bảo Linh	10/03/1993	Hồng Kông	031193000847	26/01/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	81,5	92,5	ĐẠT
209	Nguyễn Diệu Linh	09/12/1997	Thành phố Hải Phòng	031197001430	24/08/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	83,75	92,5	ĐẠT
210	Phạm Diệu Linh	01/06/1993	Thành phố Hải Phòng	031193017539	19/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	80	93,75	ĐẠT
211	Vũ Nguyễn Ngọc Linh	03/10/1990	Thành phố Hải Phòng	031190005010	23/12/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	83,75	90	ĐẠT
212	Nguyễn Thuý Linh	10/06/1993	Thành phố Hải Phòng	031193013808	10/10/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	83,75	90	ĐẠT
213	Tường Thị Mỹ Linh	07/05/1995	Tỉnh Sơn La	014195009777	10/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	80	90	ĐẠT
214	Phạm Thúy Loan	27/09/1995	Thành phố Hải Phòng	031195005918	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	87,5	93,75	ĐẠT
215	Đỗ Thị Ngọc Loan	07/12/1982	Thành phố Hải Phòng	031182021369	02/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	71,25	83,75	ĐẠT
216	Ngô Thị Minh Loan	28/03/1982	Thành phố Hải Phòng	031182021445	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	85	93,75	ĐẠT
217	Nguyễn Thị Lộc	26/02/1999	Thành phố Hải Phòng	031199004555	29/03/2024	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	78,75	86,25	ĐẠT
218	Nguyễn Văn Lợi	11/09/1987	Thành phố Hải Phòng	030087002266	13/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	82,5	92,5	ĐẠT
219	Nguyễn Thành Long	11/11/87	Thành phố Hải Phòng	030087021853	08/05/22	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	78,75	83,75	ĐẠT

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch	Phần kiến thức cơ sở	Phần kiến thức chuyên môn	Kết quả
220	Dương Vũ Hoàng Long	23/4/1993	Liên Bang Nga	231093000078	23/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	83,75	95	ĐẠT
221	Vũ Long	28/05/1988	Thành phố Hải Phòng	031088005011	21/06/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	68,75	90	KHÔNG ĐẠT
222	Nguyễn Thị Lương	11/07/1988	Thành phố Hải Phòng	031188000634	22/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	70	91,25	ĐẠT
223	Nguyễn Trọng Lượng	25/09/1992	Thành phố Hải Phòng	031092004577	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	72,5	91,25	ĐẠT
224	Nguyễn Thị Lưu	10/12/1988	Thành phố Hà Nội	001188025760	2/10/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	78,75	92,5	ĐẠT
225	Lê Khánh Ly	06/01/1988	Thành phố Hải Phòng	031188011390	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	77,5	91,25	ĐẠT
226	Nguyễn Thị Hương Lý	9/2/1993	Thành phố Hải Phòng	031193008254	8/9/2025	Bộ Công an	Việt Nam	73,75	92,5	ĐẠT
227	Lê Thị Lý	18/07/1985	Thành phố Hải Phòng	031185018456	23/05/2025	Bộ Công An	Việt Nam	71,25	88,75	ĐẠT
228	Lưu Thị Ngọc Mai	24/10/1996	Thành phố Hải Phòng	031196004236	14/04/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	73,75	92,5	ĐẠT
229	Trần Thị Mai	21/09/1989	Thành phố Hải Phòng	038189006199	04/08/2025	Bộ Công An	Việt Nam	73,75	92,5	ĐẠT
230	Vũ Thị Mai	09/06/1981	Thành phố Hải Phòng	030181000088	22/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	73,75	91,25	ĐẠT
231	Hoàng Văn Mạnh	03/08/88	Thành phố Hải Phòng	030088004942	09/07/21	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	81,25	92,5	ĐẠT
232	Bùi Quang Mạnh	11/3/1987	Thành phố Hải Phòng	031087014600	25/4/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	68,75	88,75	KHÔNG ĐẠT
233	Vũ Tuấn Mạnh	16/10/1996	Thành phố Hải Phòng	031096004253	28/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	67,5	90	KHÔNG ĐẠT
234	Nguyễn Đình Mạnh	28/01/1999	Thành phố Hải Phòng	031099013897	16/12/2024	Bộ Công An	Việt Nam	72,5	93,75	ĐẠT
235	Nguyễn Hữu Minh	21/04/1983	Tỉnh Thanh Hoá	038083012546	13/01/2025	Bộ Công an	Việt Nam	81,25	92,5	ĐẠT

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch	Phần kiến thức cơ sở	Phần kiến thức chuyên môn	Kết quả
236	Phạm Nho Minh	03/11/1985	Thành phố Hải Phòng	031085000171	30/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	73,75	92,5	ĐẠT
237	Bùi Văn Minh	05/04/1982	Thành phố Hải Phòng	030082024224	19/09/2024	Bộ Công An	Việt Nam	76,25	88,75	ĐẠT
238	Nhâm Thị Mơ	28/8/1986	Tỉnh Hưng Yên	034186010428	15/4/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	73,75	88,75	ĐẠT
239	Nguyễn Thị Mơ	15/2/1990	Tỉnh Hưng Yên	034190010057	28/6/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	81,25	91,25	ĐẠT
240	Nguyễn Thị Mơ	13/01/1993	Thành phố Hải Phòng	031193000469	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	76,25	92,5	ĐẠT
241	Nguyễn Thị Trà My	02/07/1990	Thành phố Hải Phòng	031190007130	01/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	73,75	87,5	ĐẠT
242	Lê Hà My	03/08/1995	Thành phố Hải Phòng	031195010831	23/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	85	96,25	ĐẠT
243	Dương Bá Nam	01/07/1997	Thành phố Hải Phòng	031097006017	16/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	73,75	90	ĐẠT
244	Vũ Văn Nam	4/11/1994	Thành phố Hải Phòng	030094019098	26/4/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	82,5	88,75	ĐẠT
245	Bùi Hải Nam	30/11/2004	Thành phố Hải Phòng	031204001513	25/04/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	73,75	87,5	ĐẠT
246	Phạm Thị Nền	24/4/1985	Thành phố Hải Phòng	031185000177	13/3/2025	Bộ Công an	Việt Nam	85	91,25	ĐẠT
247	Lê Thị Thu Nga	18/03/1983	Thành phố Hải Phòng	068183001864	20/04/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	73,75	91,25	ĐẠT
248	Nguyễn Thị Thu Nga	11/01/1981	Thành phố Hải Phòng	031181008460	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	73,75	93,75	ĐẠT
249	Đặng Văn Nghĩa	11/05/1990	Thành phố Hải Phòng	031090021338	05/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	73,75	90	ĐẠT
250	Bùi Bích Ngọc	13/07/1972	Thành phố Hà Nội	001172014214	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	81,25	91,25	ĐẠT
251	Nguyễn Thị Minh Ngọc	29/4/1989	Tỉnh Quảng Ninh	022189001259	12/8/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam			BỎ THI

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch	Phần kiến thức cơ sở	Phần kiến thức chuyên môn	Kết quả
252	Vũ Thị Ngọc	27/12/1989	Thành phố Hải Phòng	031189009518	24/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	76,25	93,75	ĐẠT
253	Phùng Nguyễn Ánh Ngọc	05/07/1991	Thành phố Hải Phòng	031191007228	13/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	85	95	ĐẠT
254	Nguyễn Thị Nguyệt	22/10/1990	Thành phố Hải Phòng	030190021712	08/07/2024	Bộ Công an	Việt Nam	68,75	92,5	KHÔNG ĐẠT
255	Trương Thị Ánh Nguyệt	13/03/1984	Tỉnh Hưng Yên	034184025354	07/06/2024	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	83,75	92,5	ĐẠT
256	Vũ Thị Nguyệt	08/05/86	Tỉnh Ninh Bình	036186010962	01/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	73,75	91,25	ĐẠT
257	Đoàn Thị Nhài	21/05/1984	Thành phố Hải Phòng	030184004792	14/05/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	86,25	88,75	ĐẠT
258	Vũ Thị Nhâm	20/01/1982	Thành phố Hải Phòng	030182002768	28/06/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	77,5	86,25	ĐẠT
259	Vũ Duy Nhị	14/4/1981	Thành phố Hải Phòng	030081006140	3/4/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	88,75	92,5	ĐẠT
260	Nguyễn Thị Hồng Nhung	5/1/1995	Thành phố Hải Phòng	031195003431	28/6/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	76,25	90	ĐẠT
261	Phạm Hoàng Ngọc Nhung	1/12/1988	Thành phố Hải Phòng	031188006368	10/4/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	75	88,75	ĐẠT
262	Chu Thị Nhung	25/10/1992	Thành phố Hải Phòng	031192019312	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	78,75	93,75	ĐẠT
263	Đặng Thị Kim Nhung	08/01/1992	Thành phố Hải Phòng	031192005100	08/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	80	90	ĐẠT
264	Đinh Thị Nhung	13/06/1998	Thành phố Hải Phòng	030198003508	08/05/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	72,5	86,25	ĐẠT
265	Lã Thị Nhung	13/09/1992	Thành phố Hải Phòng	031192013026	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	80	96,25	ĐẠT
266	Lê Hồng Nhung	18/06/1989	Tỉnh Hưng Yên	031189008581	24/10/2024	Bộ Công An	Việt Nam	81,25	92,5	ĐẠT
267	Nguyễn Thị Nhung	31/10/1981	Thành phố Hải Phòng	031181005351	17/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	76,25	88,75	ĐẠT

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch	Phần kiến thức cơ sở	Phần kiến thức chuyên môn	Kết quả
268	Nguyễn Thị Thuỳ Nhung	25/01/1997	Tỉnh Phú Thọ	025197003897	22/09/2024	Bộ Công An	Việt Nam	76,25	93,75	ĐẠT
269	Phạm Thị Trang Nhung	04/10/1987	Thành phố Hải Phòng	031187009847	17/01/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	63,75	86,25	KHÔNG ĐẠT
270	Đào Thị Hải Ninh	20/12/1993	Thành phố Hải Phòng	031193007196	07/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	86,25	90	ĐẠT
271	Bùi Thị Nụ	25/04/1994	Thành phố Hà Nội	001194016725	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	58,75	88,75	KHÔNG ĐẠT
272	Vũ Thị Nụ	15/04/1992	Tỉnh Hưng Yên	033192001101	24/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	81,25	90	ĐẠT
273	Nguyễn Thị Oanh	25/8/1993	Thành phố Hải Phòng	030193004939	08/05/22	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	91,25	91,25	ĐẠT
274	Đỗ Thị Kim Oanh	11/04/1990	Tỉnh Ninh Bình	036190000707	23/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	77,5	96,25	ĐẠT
275	Lã Thanh Phong	17/08/1953	Tỉnh Ninh Bình	035053000613	28/11/2024	Bộ Công an	Việt Nam	93,75	90	ĐẠT
276	Nguyễn Tuấn Phong	18/09/1992	Thành phố Hải Phòng	031092004679	02/01/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	81,25	92,5	ĐẠT
277	Đậu Hoàng Anh Phú	29/8/2001	Tỉnh Nghệ An	040201013228	7/4/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	91,25	88,75	ĐẠT
278	Trần Minh Phúc	03/09/1995	Thành phố Hải Phòng	036095005813	04/07/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	80	90	ĐẠT
279	Lê Văn Phước	04/11/1998	Tỉnh Đồng Nai	070098007026	27/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	70	91,25	ĐẠT
280	Văn Thị Phương	02/11/82	Thành phố Hà Nội	001182007290	20/4/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	90	88,75	ĐẠT
281	Vũ Hoàng Phương	19/11/1976	Thành phố Hải Phòng	003176000438	31/8/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	78,75	91,25	ĐẠT
282	Vũ Huyền Phương	30/11/1991	Tỉnh Hưng Yên	033191011878	10/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	91,25	91,25	ĐẠT

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch	Phần kiến thức cơ sở	Phần kiến thức chuyên môn	Kết quả
283	Trần Thảo Phương	25/8/2002	Tỉnh Quảng Ninh	022302007007	6/5/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	75	92,5	ĐẠT
284	Nguyễn Việt Phương	19/12/1991	Thành phố Hải Phòng	031091004793	16/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	76,25	90	ĐẠT
285	Lê Thị Mai Phương	08/11/1994	Thành phố Hải Phòng	031194003202	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	70	91,25	ĐẠT
286	Nguyễn Thị Thu Phương	29/12/1988	Thành phố Hải Phòng	031188002438	26/01/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	66,25	86,25	KHÔNG ĐẠT
287	Hoàng Minh Phương	14/9/1996	Tỉnh Lào Cai	015196003676	05/08/22	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	81,25	87,5	ĐẠT
288	Trần Thị Ánh Phương	6/6/1993	Thành phố Hải Phòng	030193003614	15/1/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	80	81,25	ĐẠT
289	Ngô Thị Phương	10/05/1987	Thành phố Hải Phòng	031187008929	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	77,5	95	ĐẠT
290	Lê Xuân Quang	16/1/1990	Thành phố Hải Phòng	030090017823	14/9/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	81,25	86,25	ĐẠT
291	Lê Văn Quang	16/03/1992	Thành phố Hải Phòng	038092000036	24/04/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	80	93,75	ĐẠT
292	Trần Đức Quang	11/07/1998	Thành phố Hải Phòng	031098012771	23/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	73,75	92,5	ĐẠT
293	Lê Văn Quang	20/09/1990	Thành phố Hải Phòng	030090018624	05/12/2024	Bộ Công An	Việt Nam	73,75	91,25	ĐẠT
294	Lương Hồng Quyền	05/12/1986	Thành phố Hải Phòng	030186001314	06/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	85	91,25	ĐẠT
295	Nguyễn Thị Quyền	27/11/1994	Thành phố Hải Phòng	031194005127	18/07/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	71,25	90	ĐẠT
296	Hoàng Thị Thúy Quỳnh	01/05/1986	Thành phố Hải Phòng	031186001974	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	77,5	92,5	ĐẠT
297	Hoàng Thị Quỳnh	24/02/1995	Thành phố Hải Phòng	030195003636	01/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	81,25	91,25	ĐẠT

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch	Phần kiến thức cơ sở	Phần kiến thức chuyên môn	Kết quả
298	Vũ Văn Quỳnh	22/09/1987	Thành phố Hải Phòng	031087014791	01/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	80	90	ĐẠT
299	Lò Như Quỳnh	10/01/1995	Tỉnh Sơn La	014195004737	01/03/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	83,75	91,25	ĐẠT
300	Nguyễn Vũ Sâm	06/08/1976	Thành phố Hải Phòng	031076007033	17/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	68,75	85	KHÔNG ĐẠT
301	Nguyễn Duy Sáng	10/07/1977	Thành phố Hải Phòng	031077018337	18/10/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	56,25	78,75	KHÔNG ĐẠT
302	Nguyễn Thị Sáu	8/7/1971	Thành phố Hải Phòng	030171003828	28/6/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	77,5	97,5	ĐẠT
303	Phạm Hữu Sáu	06/05/1987	Thành phố Hải Phòng	031087007952	19/10/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	68,75	86,25	KHÔNG ĐẠT
304	Đặng Đình Sinh	16/4/1980	Thành phố Hải Phòng	030080020444	16/8/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	78,75	82,5	ĐẠT
305	Nguyễn Văn Sinh	02/03/1989	Thành phố Hải Phòng	019089001683	20/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	67,5	83,75	KHÔNG ĐẠT
306	Phạm Văn Sỏi	15/10/1984	Thành phố Hải Phòng	031084006565	24/09/2024	Bộ Công An	Việt Nam	73,75	91,25	ĐẠT
307	Nguyễn Ngọc Sơn	13/4/1982	Thành phố Hải Phòng	030082002648	12/5/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	80	90	ĐẠT
308	Nguyễn Thanh Sơn	09/03/1995	Thành phố Hải Phòng	031095010594	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	81,25	91,25	ĐẠT
309	Nguyễn Thế Sơn	06/11/1996	Liên Bang Nga	231096000011	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	73,75	87,5	ĐẠT
310	Nguyễn Đức Sức	4/6/1964	Thành phố Hải Phòng	030064006521	8/7/2024	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	82,5	98,75	ĐẠT
311	Mai Thị Thanh Tâm	18/12/1997	Thành phố Hải Phòng	031197010099	3/7/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	72,5	90	ĐẠT
312	Nguyễn Thanh Tâm	01/10/1985	Thành phố Hải Phòng	031185010547	09/04/25	Bộ Công An	Việt Nam	67,5	91,25	KHÔNG ĐẠT
313	Nguyễn Tuệ Tân	9/1/1990	Hồng Kông, Trung Quốc	031190010068	28/6/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	82,5	90	ĐẠT

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch	Phần kiến thức cơ sở	Phần kiến thức chuyên môn	Kết quả
314	Vũ Khắc Thái	23/4/1994	Thành phố Hải Phòng	030094017313	2/5/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	75	93,75	ĐẠT
315	Nguyễn Đức Thắng	28/09/1991	Thành phố Hà Nội	001091014143	23/08/2025	Bộ Công an	Việt Nam			BỎ THI
316	Hoàng Minh Thắng	18/05/1984	Thành phố Hải Phòng	031084003144	27/09/2024	Bộ Công An	Việt Nam	82,5	92,5	ĐẠT
317	Vũ Ngọc Thắng	10/06/1991	Thành phố Hải Phòng	031091010921	01/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	81,25	91,25	ĐẠT
318	Long Văn Thanh	30/7/1987	Tỉnh Bắc Ninh	024087014413	5/6/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	75	92,5	ĐẠT
319	Phùng Trọng Thanh	07/12/1981	Thành phố Hải Phòng	031081000597	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	75	92,5	ĐẠT
320	Trịnh Việt Thanh	29/01/1971	Thành phố Hà Nội	001071017889	15/02/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	77,5	91,25	ĐẠT
321	Đặng Duy Thành	29/09/1996	Thành phố Hải Phòng	031096005580	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	81,25	92,5	ĐẠT
322	Đoàn Văn Thành	22/07/1984	Thành phố Hải Phòng	031084018710	27/08/2024	Bộ Công An	Việt Nam	66,25	85	KHÔNG ĐẠT
323	Nguyễn Thị Thành	14/11/1992	Thành phố Hải Phòng	030192006097	03/10/2024	Bộ Công An	Việt Nam	82,5	88,75	ĐẠT
324	Phạm Duy Thành	27/03/1989	Thành phố Hải Phòng	031089008815	08/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	73,75	87,5	ĐẠT
325	Trần Huy Thành	31/10/1994	Thành phố Hải Phòng	031094007542	01/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	70	91,25	ĐẠT
326	Nguyễn Thị Phương Thảo	20/09/1997	Tỉnh Hưng Yên	034197014753	01/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	76,25	95	ĐẠT
327	Lưu Thị Thạch Thảo	27/08/2000	Thành phố Hải Phòng	03130002128	08/08/2025	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	72,5	88,75	ĐẠT
328	Cao Thị Thảo	14/01/1986	Thành phố Hải Phòng	031186010314	18/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	77,5	88,75	ĐẠT
329	Đỗ Việt Thảo	10/11/1982	Tỉnh Thanh Hoá	038082026454	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	67,5	95	KHÔNG ĐẠT

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch	Phần kiến thức cơ sở	Phần kiến thức chuyên môn	Kết quả
330	Nguyễn Thị Thảo	25/02/1998	Thành phố Hải Phòng	030198004036	16/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	75	91,25	ĐẠT
331	Trần Thị Thu Thảo	25/07/1981	Thành phố Hải Phòng	031181010732	03/05/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	71,25	95	ĐẠT
332	Đàm Thị Thêu	02/01/1984	Thành phố Hải Phòng	031184004598	16/05/2024	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	73,75	90	ĐẠT
333	Phạm Văn Thi	30/08/1982	Tỉnh Thanh Hoá	038082044158	6/7/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	85	95	ĐẠT
334	Trần Quang Thiêm	02/03/1989	Tỉnh Hưng Yên	034089000482	26/01/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	71,25	87,5	ĐẠT
335	Nguyễn Đình Thiều	11/10/1995	Thành phố Hải Phòng	031095007076	17/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	85	95	ĐẠT
336	Phạm Hưng Thịnh	07/05/2002	Thành phố Hải Phòng	031202002673	20/02/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	76,25	93,75	ĐẠT
337	Phạm Văn Thịnh	07/11/1996	Thành phố Hải Phòng	031096012021	22/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	73,75	96,25	ĐẠT
338	Đồng Thị Thơ	25/12/1993	Thành phố Hải Phòng	031193019230	23/11/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	78,75	95	ĐẠT
339	Nguyễn Thị Thom	03/10/94	Thành Phố Hà Nội	038194004984	08/10/24	Bộ Công an	Việt Nam	78,75	83,75	ĐẠT
340	Vũ Thị Thom	4/7/1991	Thành phố Hải Phòng	031191023697	5/9/2024	Bộ Công an	Việt Nam	77,5	96,25	ĐẠT
341	Nguyễn Thị Thom	17/03/1990	Thành phố Hải Phòng	031190000468	21/06/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam			BỎ THI
342	Vũ Đình Thông	02/11/1996	Thành phố Hải Phòng	030096002823	11/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	78,75	92,5	ĐẠT
343	Trần Thị Thu	04/12/86	Tỉnh Thanh Hoá	038186004158	05/02/21	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	91,25	97,5	ĐẠT
344	Trần Thị Thu	26/06/1990	Tỉnh Hưng Yên	034190011325	07/10/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	70	93,75	ĐẠT
345	Nguyễn Văn Thu	17/01/1988	Thành phố Hải Phòng	031088020058	27/7/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	71,25	91,25	ĐẠT

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch	Phần kiến thức cơ sở	Phần kiến thức chuyên môn	Kết quả
346	Lê Thị Hoài Thu	20/02/1990	Thành phố Hải Phòng	031190006698	21/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	76,25	90	ĐẠT
347	Trần Thị Thu	11/08/1995	Tỉnh Hưng Yên	034195001549	24/03/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	67,5	95	KHÔNG ĐẠT
348	Đoàn Thị Anh Thư	31/08/1981	Thành phố Hải Phòng	031181017256	16/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	73,75	97,5	ĐẠT
349	Phạm Hải Thuần	23/01/1994	Thành phố Hải Phòng	031094020012	12/06/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	81,25	95	ĐẠT
350	Lê Thị Thương Thương	01/03/1993	Thành phố Hải Phòng	031193003514	30/05/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	81,25	93,75	ĐẠT
351	Kha Thị Thương	02/01/1991	Tỉnh Nghệ An	040191026173	22/04/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	80	96,25	ĐẠT
352	Phạm Thị Thương	16/04/1994	Thành phố Hải Phòng	031194013938	28/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	85	92,5	ĐẠT
353	Trần Minh Thương	29/12/1996	Thành phố Hải Phòng	031096000746	12/10/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	68,75	88,75	KHÔNG ĐẠT
354	Nguyễn Thị Thuý	11/07/1991	Tỉnh Thanh Hoá	038191020838	02/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	80	72,5	ĐẠT
355	Lương Thị Thuý	02/06/2001	Thành phố Hải Phòng	031301009082	07/02/2025	Bộ Công An	Việt Nam	80	87,5	ĐẠT
356	Lương Thị Thuý	24/12/1986	Tỉnh Quảng Ninh	022186001123	25/4/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	72,5	88,75	ĐẠT
357	Nguyễn Thị Ngọc Thuý	30/1/1983	Thành phố Hải Phòng	031183025505	31/8/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	73,75	93,75	ĐẠT
358	Đỗ Thị Thanh Thuý	25/11/1982	Thành phố Hải Phòng	031182005687	7/2/2025	Bộ Công an	Việt Nam	72,5	93,75	ĐẠT
359	Trần Thị Thu Thuý	21/12/1976	Tỉnh Ninh Bình	036176009813	13/06/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	81,25	82,5	ĐẠT
360	Nguyễn Minh Thuý	04/04/1995	Thành phố Hải Phòng	031195002140	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	82,5	90	ĐẠT
361	Nguyễn Thị Thuý	05/05/1985	Thành phố Hải Phòng	030185009256	12/04/2025	Bộ Công An	Việt Nam	65	86,25	KHÔNG ĐẠT

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch	Phần kiến thức cơ sở	Phần kiến thức chuyên môn	Kết quả
362	Nguyễn Thị Thúy	24/04/1984	Thành phố Hải Phòng	031184007983	28/05/2024	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	81,25	91,25	ĐẠT
363	Hoàng Thu Thủy	18/09/1995	Thành phố Hải Phòng	031195005252	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	73,75	85	ĐẠT
364	Hà Trung Thuyên	28/06/1992	Thành phố Hải Phòng	031092006148	17/02/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	70	88,75	ĐẠT
365	Trần Tiến	17/6/1991	Hồng Kông, Trung Quốc	031091004770	18/10/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	63,75	92,5	KHÔNG ĐẠT
366	Trần Mạnh Tiến	10/10/1988	Thành phố Hải Phòng	031088005825	23/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	72,5	92,5	ĐẠT
367	Lương Văn Tiệp	12/12/1998	Thành phố Hải Phòng	031098003255	25/12/2024	Bộ Công An	Việt Nam	70	91,25	ĐẠT
368	Bùi Trung Tín	17/07/1992	Thành phố Hải Phòng	030092019464	05/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	73,75	90	ĐẠT
369	Nguyễn Thị Tình	28/02/1982	Thành phố Hải Phòng	031182001173	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	60	91,25	KHÔNG ĐẠT
370	Vũ Văn Tình	17/08/1990	Thành phố Hải Phòng	031090000241	10/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	73,75	83,25	ĐẠT
371	Hà Thị Toan	20/3/1972	Thành phố Hải Phòng	030172005601	30/6/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	75	93,75	ĐẠT
372	Hoàng Minh Toàn	14/06/1981	Thành phố Hải Phòng	031081009041	13/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	80	90	ĐẠT
373	Phạm Văn Toàn	02/03/1989	Thành phố Hải Phòng	031089004117	24/09/2024	Bộ Công An	Việt Nam	77,5	91,25	ĐẠT
374	Tạ Văn Toàn	13/10/1989	Thành phố Hải Phòng	030089004876	12/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	72,5	96,25	ĐẠT
375	Bùi Văn Toàn	20/01/1985	Thành phố Hải Phòng	031085012157	23/01/2025	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	70	92,5	ĐẠT
376	Bùi Thị Hồng Trân	03/03/1993	Tỉnh Nghệ An	040193012716	29/07/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	71,25	91,25	ĐẠT

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch	Phần kiến thức cơ sở	Phần kiến thức chuyên môn	Kết quả
377	Nguyễn Thị Kiều Trang	19/5/1989	Thành phố Hải Phòng	031189005132	25/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	78,75	87	ĐẠT
378	Nguyễn Thị Huyền Trang	22/08/1990	Tỉnh Tuyên Quang	008190007840	10/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	68,75	93,75	KHÔNG ĐẠT
379	Nguyễn Thị Minh Trang	24/1/1993	Thành phố Hải Phòng	030193004919	29/9/2024	Bộ Công an	Việt Nam	66,25	88,75	KHÔNG ĐẠT
380	Bùi Thị Huyền Trang	7/11/1994	Thành phố Hải Phòng	031194014767	18/5/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	73,75	91,25	ĐẠT
381	Thái Thị Mai Trang	27/11/1988	Thành phố Hà Nội	001188025557	10/7/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	90	87,5	ĐẠT
382	Hoàng Thị Trang	11/6/1994	Thành phố Hải Phòng	030194009286	5/7/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	95	95	ĐẠT
383	Bùi Huyền Trang	27/03/1987	Tỉnh Hưng Yên	034187003795	04/07/2024	Bộ Công An	Việt Nam	73,75	92,5	ĐẠT
384	Nguyễn Huyền Trang	18/01/1987	Tỉnh Lào Cai	015187000542	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	71,25	91,25	ĐẠT
385	Phạm Thị Thu Trang	20/11/1983	Thành phố Hải Phòng	031183020287	01/07/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	57,5	81,25	KHÔNG ĐẠT
386	Phạm Thị Trang	12/04/1994	Thành phố Hải Phòng	031194002680	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	73,75	90	ĐẠT
387	Hoàng Đức Trọng	20/04/1988	Thành phố Hải Phòng	031088021714	12/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	68,75	93,75	KHÔNG ĐẠT
388	Đoàn Đình Trọng	20/01/1991	Thành phố Hải Phòng	031091008499	01/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	62,5	82,5	KHÔNG ĐẠT
389	Vũ Thành Trung	1/2/1980	Thành phố Hải Phòng	031080005776	18/10/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	76,25	88,75	ĐẠT
390	Nguyễn Thành Trung	24/8/1988	Tỉnh Ninh Bình	037088009965	8/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	72,5	87,5	ĐẠT

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch	Phần kiến thức cơ sở	Phần kiến thức chuyên môn	Kết quả
391	Trần Thế Trung	25/5/1991	Thành phố Hải Phòng	030091002797	12/12/2024	Bộ Công an	Việt Nam	71,25	97,5	ĐẠT
392	Phạm Đức Trường	29/4/1993	Thành phố Hải Phòng	031093004112	6/2/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	73,75	90	ĐẠT
393	Vũ Văn Truyền	11/10/1983	Thành phố Hải Phòng	030083000265	01/11/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	67,5	86,25	KHÔNG ĐẠT
394	Phạm Văn Tú	01/02/85	Thành phố Hải Phòng	030085005555	01/06/25	Bộ Công an	Việt Nam	91,25	90	ĐẠT
395	Trần Hữu Tú	19/11/1994	Thành phố Hải Phòng	031094006419	10/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	75	88,75	ĐẠT
396	Lê Anh Tú	26/09/1995	Thành phố Hải Phòng	031095012834	10/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	67,5	82,5	KHÔNG ĐẠT
397	Đỗ Văn Tuấn	11/01/1983	Thành phố Hải Phòng	031083013528	17/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	77,5	90	ĐẠT
398	Nguyễn Thanh Tuấn	08/04/1998	Thành phố Hải Phòng	030098008139	14/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	78,75	91,25	ĐẠT
399	Trần Minh Tuấn	13/08/1981	Thành phố Hải Phòng	030081001827	22/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	76,25	90	ĐẠT
400	Nguyễn Huy Tuấn	24/04/2000	Thành phố Hải Phòng	031200002938	16/04/2025	Bộ Công An	Việt Nam	76,25	92,5	ĐẠT
401	Nguyễn Bảo Tùng	11/10/1989	Thành phố Hải Phòng	031089010629	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	71,25	96,25	ĐẠT
402	Đinh Như Tùng	07/02/1985	Thành phố Hải Phòng	031085022464	18/12/2024	Bộ Công An	Việt Nam	80	87,5	ĐẠT
403	Đoàn Văn Tùng	08/06/1991	Tỉnh Hưng Yên	034091021113	13/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	67,5	91,25	KHÔNG ĐẠT
404	Nguyễn Ngọc Tuyền	3/10/1999	Thành phố Hải Phòng	030099000805	18/10/2024	Bộ Công an	Việt Nam	82,5	91,25	ĐẠT
405	Bùi Văn Tuyền	26/01/1993	Thành phố Hải Phòng	031093011524	19/07/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	78,75	90	ĐẠT
406	Dương Thị Út	20/8/1988	Tỉnh Ninh Bình	036188000664	1/5/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	72,5	91,25	ĐẠT

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch	Phần kiến thức cơ sở	Phần kiến thức chuyên môn	Kết quả
407	Đỗ Thị Vân	13/10/1981	Thành phố Hải Phòng	031181019273	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	78,75	91,25	ĐẠT
408	Chu Thị Hồng Vân	26/04/1987	Thành phố Hải Phòng	031187009375	09/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	75	91,25	ĐẠT
409	Trần Thị Thảo Vân	05/05/1997	Thành phố Hải Phòng	031197015375	23/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	68,75	93,75	KHÔNG ĐẠT
410	Lưu Thị Vân	01/08/1981	Thành phố Hải Phòng	030181006941	13/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	70	93,75	ĐẠT
411	Phan Quốc Văn	28/10/1995	Thành phố Hải Phòng	031095014373	08/07/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	76,25	93,75	ĐẠT
412	Trần Anh Văn	05/02/2000	Thành phố Hải Phòng	031200002571	17/02/2025	Bộ Công An	Việt Nam	77,5	93,75	ĐẠT
413	Nguyễn Thị Vinh	26/03/1991	Thành phố Hải Phòng	031191007066	26/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	73,75	91,25	ĐẠT
414	Vũ Đức Vinh	1/11/1983	Thành phố Hải Phòng	031083003698	8/11/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam			BỎ THI
415	Nguyễn Tuấn Vũ	10/11/1990	Thành phố Hải Phòng	031090008968	28/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	77,5	96,25	ĐẠT
416	Mạc Văn Vũ	17/07/1987	Thành phố Hải Phòng	031087009190	10/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	77,5	91,25	ĐẠT
417	Nguyễn Tuấn Vũ	11/06/1989	Thành phố Hải Phòng	031089000822	15/01/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	76,25	91,25	ĐẠT
418	Phùng Sơn Vương	14/2/1991	Thành phố Hải Phòng	031091010669	28/6/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	80	93,75	ĐẠT
419	Nguyễn Việt Vương	2/8/1978	Thành phố Hải Phòng	031078005910	25/4/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	71,25	93,75	ĐẠT
420	Bùi Thế Vương	10/11/1994	Thành phố Hải Phòng	031094001449	3/12/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	81,25	88,75	ĐẠT
421	Trịnh Thảo Vy	15/06/2006	Thành phố Hải Phòng	031306009166	30/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	68,75	90	KHÔNG ĐẠT
422	Vũ Thị Xinh	21/2/1998	Thành phố Hải Phòng	031198004858	23/1/2025	Bộ Công an	Việt Nam	81,25	88,75	ĐẠT

SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số CMND/Căn cước/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch	Phần kiến thức cơ sở	Phần kiến thức chuyên môn	Kết quả
423	Nguyễn Thị Xuân	21/07/1990	Thành phố Hải Phòng	031190002158	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	72,5	88,75	ĐẠT
424	Nguyễn Thị Xuân	03/08/1988	Thành phố Hải Phòng	031188013844	19/04/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	76,25	88,75	ĐẠT
425	Võ Thị Kim Xuyên	2/9/1993	Tỉnh Đồng Tháp	082193004605	23/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	70	83,75	ĐẠT
426	Thái Như Ý	10/1/2004	Tỉnh Nghệ An	040304020795	6/6/2024	Cục CS QLHC về TTXH	Việt Nam	77,5	82,5	ĐẠT